

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/DS-ST

Ngày: 28 – 8 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Vĩnh Hạnh.

2. Bà Trần Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy tham gia phiên tòa: Ông Trần Bửu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP S** (Sau đây viết tắt là **Ngân Hàng S1**). Trụ sở: **2 N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh**. Đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Đức Thạch D**. Chức vụ: Tổng Giám Đốc. Đại diện theo ủy quyền: **Dương Tấn Đ** - Chức vụ: Phó Giám Đốc **Chi nhánh C**. Theo Quyết định số 2377/2023/GUQ-PC ngày 11/9/2023 của Tổng Giám Đốc. Ủy quyền cho: ông **Lê Hoàng M**. Địa chỉ: **C, Khu C, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ** (Theo giấy ủy quyền ngày 02/4/2024).

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N**, năm sinh 1984. Địa chỉ: **C tổ A, T, T, B, thành phố Cần Thơ**.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án có đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc N có ký với Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng S1 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân Hàng S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Classic với hạn mức sử dụng là 21.000.000 đồng, với lãi suất 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 45.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân Hàng S1 số tiền 27.269.900 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến thời điểm ngày 14/7/2023 bà N đã phân vào nợ nhóm 4 của Ngân Hàng S1. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/3/2023 Ngân Hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 07/08/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc N còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 24.366.796 đồng;

Lãi quá hạn: 17.388.684 đồng;

Tổng cộng: 41.755.480 đồng. (Bằng chữ: Bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng)

Mặc dù Ngân Hàng S1 đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thị Ngọc N, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân Hàng S1 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Nguyễn Thị Ngọc N trả nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ngọc N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân Hàng S1, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S – CN Cần Thơ - P kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây:

Với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết:

1. Buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc N** phải trả ngay cho **Ngân hàng S1** tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/08/2024 là 41.755.480 đồng ((Bằng chữ: Bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi đồng) trong đó:

Nợ gốc: 24.366.796 đồng,

L quá hạn: 17.388.684 đồng.

2. Và bà **Nguyễn Thị Ngọc N** có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/08/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Kính đề nghị Quý Tòa xem xét, tạo điều kiện để Ngân hàng thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật

* Suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi xét xử bà **N** vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 27/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân hàng S1** tổng số tiền 42.429.460 đồng, trong đó vốn: 24.366.796 đồng, lãi quá hạn: 18.062.664 đồng. Kể từ ngày 28/8/2024 bà **Nguyễn Thị Ngọc N** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trong trường hợp bà **Nguyễn Thị Ngọc N** không trả và hoặc trả không hết nợ, cho phát mãi ngay bất kỳ tài sản thuộc quyền sở hữu để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà **Nguyễn Thị Ngọc N** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Bị đơn: vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, thẩm định, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022, tính đến ngày 27/8/2024 yêu cầu bị đơn trả nợ cho **Ngân**

hàng S1 tổng số tiền 42.429.460 đồng, trong đó vốn: 24.366.796 đồng, lãi quá hạn: 18.062.664 đồng. Kể từ ngày 28/8/2024 bà **Nguyễn Thị Ngọc N** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:* căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2024, thể hiện **Ngân hàng S1** có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022 với bà **Nguyễn Thị Ngọc N**. **Ngân hàng S1** đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Classic với hạn mức sử dụng là 21.000.000 đồng, với lãi suất 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà **N** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 45.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **N** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 27.269.900 đồng. Tính đến ngày 07/08/2024, bà **Nguyễn Thị Ngọc N** còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 24.366.796 đồng; Lãi quá hạn: 17.388.684 đồng; Tổng cộng: 41.755.480 đồng. Bị đơn có địa chỉ tại **quận B, thành phố Cần Thơ** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc N** đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Thị Ngọc N** là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] *Về thủ tục và xác định tư cách đương sự trong vụ án:* căn cứ theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định **Ngân hàng TMCP S** là nguyên đơn. Bà **Nguyễn Thị Ngọc N** là bị đơn.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 16/5/2024, bà **Nguyễn Thị Ngọc N** có vay tại **Ngân hàng S1** theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022. Căn cứ thu nhập của bà **N**, **Ngân hàng S1** đã đồng ý cấp thẻ

tín dụng Visa Classic với hạn mức sử dụng là 21.000.000 đồng, với lãi suất 2,6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà **N** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 45.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà **N** đã thanh toán cho **Ngân hàng S1** số tiền 27.269.900 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà **N** vẫn không có thiện chí trả nợ. Tính đến thời điểm ngày 14/7/2023 thì bà **N** đã phân vào nợ nhóm 4 của **ngân hàng S1**. Do bà **N** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng S1**), ngày 10/3/2023 **Ngân hàng S1** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng S1**).

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà **Nguyễn Thị Ngọc N** để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng đương sự không đến Tòa và không cử đại diện hợp pháp đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc N** cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình. Điều này xem như bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc N** đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ theo điều 6 và điều 24 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng khác có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đã được thu thập được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên và xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử và phù hợp theo quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/8/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 42.429.460 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn, bốn trăm sáu mươi đồng) trong đó vốn: 24.366.796 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi sáu ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng), lãi quá hạn: 18.062.664 đồng (Mười tám triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng).

2. Kể từ ngày 28/8/2024 bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1915980 ngày 13/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

3. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Ngọc N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu là 2.121.473 đồng (Hai triệu, một trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm bảy mươi ba đồng), nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự quận B, thành phố Cần Thơ. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 717.849 đồng (Bảy trăm mười bảy ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0002756 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Loan